

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 95/2018/HS-PT

Ngày: 13-4-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai

Các thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Võ Trinh

Ông Đinh Chí Tâm

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Tuấn Em – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Kim Hóa - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 76/2018/TLPT-HS ngày 22 tháng 3 năm 2018 đối với bị cáo Nguyễn Văn T và các bị cáo khác.

Do có kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Hoàng B, Nguyễn Hoàng T1 đối với bản án hình sự sơ thẩm số 04/2018/HS-ST ngày 09 tháng 02 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện L.

Các bị cáo có kháng cáo:

1/ Nguyễn Văn T, sinh năm 1993 tại Đồng Tháp; HKTT và chỗ ở: A, ấp H, xã T2, huyện L, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T3, sinh năm 1959 và bà Lê Thị Thu N, sinh năm 1959; tiền án, tiền sự: Không; Áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú: Ngày 11/10/2017; Bị cáo đang tại ngoại (Có mặt tại phiên tòa).

2/ Nguyễn Hoàng B, sinh năm 1988 tại Đồng Tháp; HKTT và chỗ ở: B1, ấp H, xã T2, huyện L, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 01/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn N1, sinh năm 1944 và bà Nguyễn Thị N2, sinh năm 1953; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: 1/ Ngày 13/5/2008, bị Tòa án nhân dân huyện L,

tỉnh Đồng Tháp xử phạt 04 năm tù giam về tội “Cướp giật tài sản”, chấp hành xong bản án vào ngày 30/8/2011; 2/ Ngày 28/12/2017 Tòa án huyện L xử 02 năm tù về tội “trộm cắp tài sản”; Ngày 22/9/2017, bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện L khởi tố về tội Trộm cắp tài sản; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam trong vụ án khác; Bị cáo hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đồng Tháp (Có mặt tại phiên tòa).

3/ Nguyễn Hoàng T1 (Tên gọi khác: L1), sinh năm 1994 tại Đồng Tháp; HKTT và chỗ ở: C, Khóm D, Phường E, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn G, sinh năm 1965 và bà Vũ Hoàng A1, sinh năm 1963; tiền án, tiền sự: Không; bắt, tạm giam: Không; Áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú: Ngày 06/12/2017; Bị cáo đang tại ngoại (Có mặt tại phiên tòa).

Ngoài ra, trong vụ án còn có bị cáo Lại Quốc T4 hông, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không kháng cáo và Viện kiểm sát không kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 16 giờ, ngày 26/8/2017, Nguyễn Văn T điện thoại rủ Lại Quốc T4 và Nguyễn Hoàng B đến quán H1 thuộc ấp H2, xã V, huyện L, tỉnh Đồng Tháp để uống cà phê. Đến khoảng 20 giờ cùng ngày, T4 điều khiển xe mô tô biển số 66L1-AAAAA đến quán H1 thì gặp T, 15 phút sau, B điều khiển xe Sirius (không rõ biển số) đến. T rủ B và T4 đi trộm tài sản để bán lấy tiền tiêu xài thì B và T4 đồng ý. Đến khoảng 23 giờ cùng ngày, T điều khiển xe Sirius màu đỏ-đen, biển số 66L1-BBBBB của T, chở T4 và B về hướng Vĩnh Long, chạy được một đoạn thì rẽ vào nhà anh Trần P tại số F ấp T5, xã V, huyện L, phát hiện bên hông nhà có dựng nhiều xe mô tô nên T dừng xe lại đứng canh đường, T4 lấy trộm xe Exciter biển số 66L1- CCCCC có cắm sẵn chìa khóa, có giấy chứng minh nhân dân và giấy đăng ký xe tên Trần P và dẫn xe ra đến cho T, còn B dẫn chiếc Sirius biển số 66N4-DDDD ra sau, T4 khởi động máy và điều khiển xe Exciter, còn B dẫn xe Sirius cùng với T chạy về quán H1. B ở lại quán H1 còn T4 điều khiển xe Exciter và T điều khiển xe Sirius vừa trộm chạy đến nhà bà Nguyễn Thị B2 thuộc ấp H3, xã T6, huyện T7 để nghỉ. Đến khoảng 09 giờ, ngày 27/8/2017, T điều khiển xe Exciter chở T4 về khu vực tỉnh Tiền Giang tìm nơi tiêu thụ, sau đó đến tiệm cầm đồ “T8” tại số H4 đường ĐT854 thị trấn C1, huyện C2, cầm xe cho chủ tiệm là bà Đỗ Thị Đ 20.000.000 đồng, sau

đó T4 và T cùng đi xe Honda khách về tới khu vực cầu C3, thuộc thành phố S thì vào quán nước, T4 chia cho T 13.000.000 đồng T4 giữ 7.000.000 đồng. Sau đó, T4 gọi điện thoại cho B chạy xe của T4 qua cầu C3 đưa cho T4, còn T và B thuê xe honda khách về quán H1. Tại đây, T chia cho B 5.000.000 đồng, trả tiền thuê xe Honda khách là 100.000 đồng nên T đưa cho B 4.900.000 đồng.

Đến khoảng 16 giờ cùng ngày, T4 gọi điện cho Nguyễn Hoàng T1 (L1) hỏi mượn 20.000.000 đồng để chuộc xe Exciter. T1 giới thiệu T4 đến gặp Đinh Công N1, N1 cho T4 mượn 20.000.000 đồng chuộc xe ra và đem xe đến tiệm cầm đồ LH tại số X, ấp P1, xã T9, huyện C2, tỉnh Đồng Tháp, tiếp tục cầm xe cho ông Lê Văn H4 với số tiền 26.000.000 đồng. T4 trả cho N1 22.000.000 đồng, số còn lại tiêu xài hết.

Khoảng 5-6 ngày sau (không xác định cụ thể ngày), T4 điện thoại cho T1 nói có chiếc xe Sirius do lấy trộm mà có, kêu T1 mang đi bán với giá 3.000.000 đồng. T1 biết tài sản do T4 trộm mà có nhưng vẫn tìm người tên Đ1 ở Vĩnh Long (không xác định được họ tên địa chỉ cụ thể) để bán xe với giá 3.000.000 đồng, Đ1 trả cho T1 800.000 đồng, số tiền còn lại Đ1 không trả nên T1 lấy tiền của T1 đưa cho T4 thêm 1.200.000 đồng.

Về vật chứng: Đối với 01 xe Exciter biển số 66L1-CCCCC, hiệu Yamaha màu xanh đen; 01 giấy chứng nhận đăng ký mô tô, xe máy và 01 giấy chứng minh nhân dân của Trần P, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện L đã trao trả cho anh P xong.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 67/KL-ĐGTS ngày 12/10/2017 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện L xác định: 01 xe mô tô hiệu Yamaha, biển số 66L1-CCCCC, loại Exiter, màu xanh-đen có giá trị 39.900.000 đồng và 01 xe mô tô hiệu Yamaha, biển số 66N4-DDDD, loại Sirius màu vàng-đen có giá trị 9.030.000 đồng. Tổng giá trị là 48.930.000 đồng.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 04/2018/HSST ngày 09/02/2018 của Tòa án nhân dân huyện L đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Lại Quốc T4, Nguyễn Văn T và Nguyễn Hoàng B cùng phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, Điều 17, điểm b, s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015.

- Xử phạt bị cáo Lại Quốc T4 02 (hai) năm 6 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 12/10/2017.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, Điều 17, điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng B 02 (hai) năm tù. Áp dụng Điều 56 của Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt 02 (hai) năm tù của bản án số 43/2017/HS-ST, ngày 28/12/2017 của Tòa án nhân dân huyện L, buộc bị cáo Nguyễn Hoàng B phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 04 (bốn) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 13/9/2017.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, Điều 17, điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 250 năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009; điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015;

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hoàng T1 phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Xử phạt Nguyễn Hoàng T1 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 21 tháng 02 năm 2018, bị cáo Nguyễn Hoàng B có đơn kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ một phần hình phạt và tại phiên tòa giữ nguyên kháng cáo xin giảm hình phạt.

Ngày 21 tháng 02 năm 2018, bị cáo Nguyễn Văn T, bị cáo Nguyễn Hoàng T1 có đơn kháng cáo với nội dung xin được hưởng án treo và tại phiên tòa bị cáo T, T1 giữ nguyên kháng cáo xin hưởng án treo.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tỉnh đề nghị: Căn cứ Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự. Không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Hoàng B và kháng cáo xin được hưởng án treo của các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Hoàng T1. Giữ nguyên quyết định bản án sơ thẩm về hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Bị cáo Nguyễn Văn T là người rủ bị cáo Lại Quốc T4, Nguyễn Hoàng B đi uống cà phê. Trong lúc uống cà phê bị cáo Tèo lại đề xuất cùng nhau đi tìm tài sản trộm. Sau đó bị cáo T là người điều khiển xe mô tô của bị cáo chở bị cáo T4, B và bị cáo T1 dừng xe mô tô lại cho bị cáo T4, B vào trộm tài sản. Còn bị cáo T đứng canh đường cho bị cáo T4 lấy trộm xe Exciter biển số 66L1-CCCCC có giá trị 39.900.000đ, bị cáo B lấy xe Sirius màu vàng đen có giá trị 9.030.000đ, tổng giá trị các bị cáo trộm 48.930.000đ. Các bị cáo đem xe mô tô đi cầm, bán lấy tiền chia nhau tiêu xài theo sở thích cá nhân. Ngoài ra sau khi cầm xe Exciter còn mượn tiền chuộc xe cầm và tiếp tục cầm nơi khác để chiếm đoạt số tiền cao hơn khi chưa bị bắt. Còn bị cáo Nguyễn Hoàng T1 lúc đầu bị cáo khai bị cáo T4 hỏi mượn 20.000.000 đồng để chuộc xe Exciter bị cáo không biết bị cáo T4 trộm. Bị cáo giới thiệu bị cáo T4 đến gặp Đinh Công N1 mượn tiền chuộc xe để cầm nơi khác chiếm đoạt tiền cao hơn. Nhưng sau đó bị cáo T4 điện thoại cho bị cáo T1 nói có chiếc xe Sirius mới trộm mà có và nhờ bị cáo bán. Bị cáo lại nhận lời và trực tiếp bán cho Đ1 ở Vĩnh Long với giá 3.000.000 đồng.

[2] Hành vi phạm tội của các bị cáo thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, nhưng các bị cáo thực hiện rất táo bạo, trị giá tài sản trộm rất cao gần đến định khung khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự qui định. Trong khi các bị cáo nhận biết được tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ. Bị cáo T vai trò trong vụ án là người đề xuất và trực tiếp đi trộm, đi cầm tài sản. Còn bị cáo B nhân thân có 2 tiền án về tội cướp giật và trộm cắp tài sản. Nhưng các bị cáo vẫn tụ tập đi chơi với nhau và cùng nhau đi tìm tài sản trộm, chứng tỏ các bị cáo là người xem thường pháp luật.

[3] Đối với bị cáo T1 là cùng quê bên vợ của bị cáo Lại Quốc T4. Bị cáo lại tiêu thụ tài sản do bị cáo T4 phạm tội trộm cắp mà có, việc bị cáo tiêu thụ tài sản là tiếp tay cho các bị cáo trộm tài sản có nơi tiêu thụ. Như vậy chiếc xe Sirius theo định giá trị giá 9.030.000đ, bị cáo biết bị cáo T4 trộm mà có nhưng vẫn nhận lời bán xe mô tô không giấy tờ cho một người tên là Đ giá 3.000.000đ. Còn chiếc xe Exciter bị cáo không biết ở đâu mà bị cáo T4 có đem cầm và nhờ mượn tiền chuộc lại xe. Nhưng bị cáo T1 biết bị cáo T4 trộm xe mô tô lại không báo công an để sớm ngăn chặn hành vi phạm tội của các bị cáo và để thu hồi tài sản cho người bị hại. Bị cáo lại đi bán xe mô tô do trộm cắp mà có là vi phạm pháp luật. Xét thấy, hành vi phạm tội của các bị cáo cần có thời gian cải tạo giáo dục các bị cáo nhằm để các bị cáo trở thành công dân tốt, giúp ích cho gia đình và có tác dụng phòng ngừa chung trong xã hội.

[4] Án sơ thẩm xử các bị cáo T, B về tội “Trộm cắp tài sản”, bị cáo T1 về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” là có căn cứ và đã xem xét hết các tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo, mức hình phạt án sơ thẩm xử các bị cáo là không nặng. Sau khi án sơ thẩm xử bị cáo B kháng cáo xin giảm hình phạt, bị cáo T, T1 kháng cáo xin hưởng án treo là không có căn cứ để chấp nhận và các bị cáo cũng không xuất trình được các tình tiết mới ngoài các tình tiết mà án sơ thẩm đã xem xét. Do đó, không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm là phù hợp với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[5] Các phần khác của quyết định án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Về án phí: Do kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Hoàng B, Nguyễn Hoàng T1 không được chấp nhận nên các bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Hoàng B và kháng cáo xin được hưởng án treo của các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Hoàng T1. Giữ nguyên quyết định bản án sơ thẩm về hình phạt.

Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Hoàng B cùng phạm tội “Trộm cắp tài sản”, bị cáo Nguyễn Hoàng T1 phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 56 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Hoàng B 02 (Hai) năm tù, tổng hợp hình phạt với bản án số 43/2017/HS-ST ngày 28/12/2017 của Tòa án nhân dân huyện L xử phạt bị cáo 02 (Hai) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Buộc bị cáo Nguyễn Hoàng B phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 04 (Bốn) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 13/9/2017.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn T 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 250 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009; điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Hoàng T1 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt.

Các phần khác của quyết định bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Về án phí: Các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Hoàng B, Nguyễn Hoàng T1 mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra 1 – TANDTC;
- VKSND Tỉnh;
- Ban Nội chính Tỉnh ủy;
- Sở Tư pháp Tỉnh;
- TAND – VKSND H. L;
- Chi cục THADS H. L;
- Cơ quan CSĐT H. L;
- Cơ quan THAHS CA H. L;
- Cơ quan THAHS CA Tỉnh;
- Trại Tạm giam Công an Tỉnh;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ Công an Tỉnh;
- Phòng KTNV-THA TA Tỉnh;
- Bị cáo;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án (T. Em).

(Đã ký)

Nguyễn Thị Mai